TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/DS-PT
Ngày: 18 - 12 - 2020
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: Ông Lê Tự
Ông Nguyễn Tấn Trường

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham dự phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 16/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 466/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn H và bà Bạch Thị Hồng M; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; ông H có mặt, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tấn P – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Văn Q: Bà Trần Thị L, Luật sư Công ty luật V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 26/10/2020), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị; địa chỉ:, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
- UBND huyện G, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
- Ông Phan Văn N; địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Ông Phan Văn K; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
- Ông Phan Văn H; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Văn H và bà Bạch Thị Hồng M, bị đơn ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 11/8/2016, đơn bổ sung ngày 21/10/2016 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Năm 1999, gia đình ông H và bà M nhận chuyển nhượng đất của ông Phan Văn K, việc chuyển nhượng đất không được lập bằng văn bản.

Ngày 22/3/2002, UBND huyện G ban hành Quyết định số 290/2002/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà M, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U579520 ngày 22/3/2002 với diện tích 298m^2 tại tờ bản đồ số 07, thửa đất số 108 ở xã Gio Việt (nay là thị trấn C), huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Năm 2013, vợ chồng ông Q và bà K xây dựng nhà và phần be sàn tầng 2 của ngôi nhà đã lấn sang phần đất của ông H, bà M. Ông H và bà M đã trực tiếp yêu cầu ông Q dừng việc thi công nhưng ông Q không dừng lại, đồng thời ông Q đã làm đơn khiếu nại gửi đến UBND thị trấn C và UBND huyện G.

Ngày 02/12/2014, UBND huyện G ban hành Công văn số 1147/UBND-NN về việc thông báo thu hồi Giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông Phan Văn H với lý do: Diện tích thực tế mà hộ ông H sử dụng nhỏ hơn diện tích trong Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông H. Ông H, bà M đã làm đơn khiếu nại Công văn số 1147/UBND-NN nêu trên.

Ngày 06/3/2015, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 912/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung: "*Không chấp nhận nội dung bà Bạch Thị Hồng M đề nghị UBND huyện xem xét thu hồi Công văn số 1147/UBND-NN. Giữ nguyên giá trị hiệu lực của Công văn 1147".* Bà Bạch Thị Hồng M tiếp tục khiếu nại lần 2 lên tỉnh Quảng Trị.

Ngày 19/6/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1261/QĐ-UBND với nội dung:

"... Điều 1. Công nhận một phần nội dung đơn của bà Bạch Thị Hồng M khiếu nại UBND huyện G ban hành Thông báo số 1147/UBND-NN ngày 02/12/2014 về việc thu hồi Giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông Phan Văn H làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của gia đình bà M.

Điều 2. Giao UBND huyện G thực hiện các nội dung:

- Thu hồi, hủy bỏ Thông báo số 1147/UBND-NN ngày 02/12/2014 của UBND huyện về việc thu hồi Giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông Phan Văn H theo quy định của pháp luật.

- Xem xét, hướng dẫn hộ gia đình ông Phan Văn H, bà Bạch Thị Hồng M và các hộ liên quan lập thủ tục chỉnh lý biến động Giấy CNQSD đất theo đúng quy định...".

Vì vậy, ông H, bà M làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K trả lại diện tích đất đã lấn chiếm, có chiều dài khoảng hơn 20m (cạnh phía Tây nhà ông H) và chiều rộng khoảng 0,4m (cạnh phía Nam mặt tiền đường Xuyên Á), đồng thời tháo dỡ phần be và phần mái nhà nằm trên khoảng lưu không của diện tích lấn chiếm đó để trả lại quyền sử dụng đất cho ông H và bà M.

- Theo đơn trình bày ý kiến ngày 22/12/2016, 15/11/2017, 03/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ông Q và bà K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Phan Văn N vào tháng 7/2002, có vị trí phía Nam giáp đường Xuyên Á là 7m, cạnh chiều dài 18m. Ngày 20/12/2002, UBND huyện G ban hành Quyết định số 2590/2002/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 759465 cho hộ ông Q với diện tích 126m^2.

Trước khi nhận chuyển nhượng, khoảng cuối năm 2001 đầu năm 2002, ông Q đã làm quán có bề ngang như ngôi nhà hiện tại và sử dụng đất đúng hiện trạng. Năm 2007, gia đình ông Q, bà K tiến hành xây dựng nhà kiên cố trên phần đất nhận chuyển nhượng. Khi đó, đã có một phần rá móng bê tông cốt thép của ngôi nhà được xây sát con đường nhỏ (nay thuộc diện tích đang tranh chấp). Khi ông Q đào móng và xây dựng nhà ở trên phần móng này thì gia đình ông H chứng kiến và không phản đối gì. Phần diện tích rá móng này tương đương với phần be sàn và phần mái nhà của tầng 2 được xây dựng tiếp vào năm 2013.

Ngôi nhà của ông Q nếu không tính phần be sàn và mái nhà thì chỉ rộng 6.5m, còn tính cả phần be mái nhà tầng 2 thì chỉ rộng 7m (bằng chiều ngang trong giấy chứng nhận QSD đất được cấp). Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Q còn có ý kiến: Việc lập hồ sơ cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông H có những vi phạm như: Trích lục bản đồ địa chính được Phòng Địa chính huyện G (Nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường) xác nhận ngày 08/3/2020, trong lúc đó, đơn xin

đăng ký quyền sử dụng đất của ông H lại được Phòng xác nhận ngày 18/3/2002 là không đúng (sau khi ban hành Bản trích lục bản đồ- mồng 08 nhưng lại ghi 18). Theo Bản trích lục bản đồ địa chính (kèm theo giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ ông H) thì diện tích đất của gia đình ông H thuộc tờ bản đồ địa chính số 07, thửa số 108, với diện tích 298m^2; thửa đất có chiều rộng theo đường Xuyên Á là 9,5m, chiều dài 30m. Tuy nhiên, theo sơ đồ địa chính tại tờ bản đồ số 07 thì thửa đất số 108 có chiều rộng theo đường Xuyên Á là 8,3m (lệch 1,2m) như vậy là không phù hợp. Ngoài ra ông Q cho rằng, tại hồ sơ cấp đất cho hộ ông H có sai sót, như: UBND xã Gio Việt xác nhận nguồn gốc đất sử dụng từ năm 1992 lại không có các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999; Nghị định 79/2001/NĐ-CP ngày 01/11/2001 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất. Vì vậy, ngày 01/8/2019, ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K có đơn yêu cầu Toà án huỷ các quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 290/2002/QĐ-UB ngày 22/3/2002 của UBND huyện G về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn H;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U579520 của hộ ông Phan Văn H do UBND huyện G cấp ngày 22/3/2002.

Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bạch Thị Hồng M.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông Phan Văn N, Phan Văn K, Phan Văn H: Ranh giới giữa nhà ông H và nhà ông K là tường rào do ông H đã xây từ lâu, hai bên không có tranh chấp.

Ranh giới giữa nhà ông Q và nhà ông H (em ruột ông Q) là tính từ tường nhà của ông Q; hai gia đình không có tranh chấp.

*+ Theo Văn bản số 343/UBND-TN ngày 02/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện G:*Thực hiện Quyết định số 1261/QĐ-UB ngày 19/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị, UBND huyện G đã tiến hành các thủ tục chỉnh lý biến động đất đai và đính chính Giấy CNQSD đất đã cấp. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, hộ ông H và hộ ông Q không thống nhất được ranh giới nên không có cơ sở làm thủ tục chỉnh lý biến động đất đai và Giấy CNQSD đất.

+ Theo Văn bản số 470/UBND-TN ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị: Việc UBND huyện G ban hành Thông báo số 1147/UBND-NN ngày 02/12/2014 thu hồi Giấy CNQSD đất của hộ ông Phan Văn H sau khi có đơn phản ảnh của ông Phan Văn Q; Qua xem xét kết luận của Thanh tra huyện về kết quả thẩm tra, xác minh giấy CNQSD đất của hộ ông H theo khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ cơ bản phù hợp với trình tự, thủ tục đã quy định.

Tuy nhiên, việc UBND chỉ căn cứ vào đơn phản ánh của ông Phan Văn Q – Chủ sử dụng đất liền kề đang tranh chấp đất với hộ ông H, bà M để tiến hành kiểm tra, ban hành Thông báo số 1147/UBND-NN ngày 02/12/2014 nhưng không xem xét xử lý một số hộ khác có liên quan cũng có biến động tương tự (như hộ ông Q, ông H) là chưa toàn diện, để tạo sự công bằng giữa các hộ sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của gia đình ông H, bà M.

Diện tích đất hộ ông H, bà M sử dụng thực tế có khác so với giấy CNQSD đất đã cấp, tuy nhiên sự biến động không lớn, chủ yếu là biến động về chiều sâu của thửa đất. Trường hợp này không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của hộ ông H, bà M cũng như các hộ liên quan và tránh xảy ra tình hình khiếu nại không đáng có, trong khi đó pháp luật quy định trường hợp thửa đất có thay đổi về diện tích do đo đạc lại thì lập thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định.

Khi giải quyết tại thời điểm sau ngày 01/7/2014, trường hợp đất ông H, bà M thì áp dụng điểm c khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai 2013, điểm i khoản 2 Điều 61 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, điểm m khoản 1 Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký biến động đất đai.

[2] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 175, 176 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 23 Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi bổ sung năm 2001; điểm c khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai 2013; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; điểm i khoản 2 Điều 61 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, điểm m khoản 1 Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K trả cho ông Phan Văn H và bà Bạch Thị Hồng M giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 3,4m^2 được tính thành tiền là 11.304.000đồng (*Mười một triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng*).

Giao cho ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K sử dụng diện tích 3,4m^2 đất đã được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U579520 ngày 22/3/2002 tại tờ bản đồ số 7, thửa đất số 108 ở xã Gio Việt (nay là thị trấn C), huyện G, tỉnh Quảng Trị, được mô tả như sau:

Chiều rộng phía Nam (giáp đường xuyên Á) là 0,16m;

Chiều rộng phía Bắc (giáp đất do Nhà nước quản lý) là 0,1m;

Chiều dài phía Tây của hộ ông H và phía Đông của nhà ông Q là 23,23m.

(Có sơ đồ, bản vẽ cụ thể kèm theo bản án này).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng khác, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[3] Kháng cáo:

- Nguyên đơn ông Phan Văn H và bà Bạch Thị Hồng M nộp đơn kháng cáo ngày 14/8/2020, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu ông Q và bà K phải trả lại 3,4 m^2 đất, đồng thời tháo dỡ phần diện tích be lấn khoảng không gian và lắp đặt hệ thống dẫn nước sao cho nước mưa từ be nhà không được chảy xuống thửa đất của nguyên đơn.

- Bị đơn ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K nộp đơn kháng cáo ngày 21/8/2020 kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem xét lại việc tính án phí sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người vắng mặt đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Về nội dung vụ án, do các bên kháng cáo không cung cấp chứng cứ gì mới, không thể tháo dỡ phần be sàn nhà, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa theo các nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Tòa án cấp phúc thẩm không có thu thập chứng cứ mới.

[2] Xem xét nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn:

Ông Phan Văn H và bà Bạch Thị Hồng M nhận chuyển nhượng đất từ ông Phan Văn K (việc chuyển nhượng không lập thành hợp đồng bằng văn bản) vào năm 1999 và ông H đã làm nhà ở vào năm 2000. Năm 2002, vợ chồng ông H được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U579520 theo Quyết định số 290/2002/QĐ-UB ngày 22/3/2002 với diện tích 298m^2. Theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 08/3/2002, đất hộ ông Phan Văn H có diện tích 298m^2, chiều rộng theo trục đường Xuyên Á dài 9,5m, chiều dài thửa đất 30m, chiều rộng phía bắc 9,0m.

Ông Phan Văn Q nhận chuyển nhượng đất từ ông Phan Văn N với diện tích 126m^2 vào năm 2002. Ngày 20/12/2002, hộ ông Q được UBND huyện G cấp Giấy CNQSD đất số V 759465 với diện tích 126m^2 kèm theo quyết định số 2590/2002/QĐ-UB. Theo trích lục bản đồ địa chính năm 2002, đất hộ ông Phan Văn Q có diện tích 126m^2, chiều rộng theo trục đường Xuyên Á là 07m, chiều dài thửa đất 18m, chiều rộng phía Bắc 07m (7 x 18 = 126 m^2).

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020 và kết quả đo vẽ sơ đồ hiện trạng thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G lập ngày 19/6/2020 thì thấy rằng: Ông Q đã xây dựng lấn sang đất của ông H và bà M là 3,4m^2. (Còn lại 35,1m^2 ông Q đã lấy chiếm về phía Bắc đất công do Nhà nước quản lý, không liên quan trong vụ tranh chấp này).

Hiện trạng phần đất lấn chiếm này là do ông Q đã đổ be sàn tầng 2 vượt qua đất hộ ông H là 3,4m^2. Mặt khác, ông Q xác địnhphần móng nhà của ông khi xây sang ngang bằng với phần be sàn và mái nhà, và khi xây móng thì ông H không có ý kiến gì. Xét thấy, nếu tuyên buộc ông Q tháo dỡ diện tích phần be của tầng 2 (3,4m^2, phía Nam rộng 0,16m, phía Bắc rộng 0,1m, chiều dài 23,23m) để trả lại đất cho ông H và bà M thì ảnh hưởng đến kết cấu, chất lượng và thẩm mỹ của ngôi nhà và có thể ảnh hưởng đến phần móng nhà của ông Q; trong khi phần đất này có diện tích rất nhỏ trong khoảng đất trống giữa hai ngôi nhà.

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn tranh chấp phần ranh giới đất giữa hai ngôi nhà và xác định bị đơn xây lấn sang đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn với diện tích đất 3,4m^2; mặc dù bị đơn xây dựng từ lâu một cách công khai nhưng phần đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận sử dụng đất của nguyên đơn, nên Bản án sơ thẩm buộc ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K trả cho ông Phan Văn H và bà Bạch Thị Hồng M giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá ngày 21/7/2020 với diện tích đất 3,4m^2 được tính thành tiền là 11.304.000đồng là hợp lý với hiện trạng sử dụng đất.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm bằng hiện vật và kháng cáo của bị đơn cho rằng không lấn đất của nguyên đơn đều không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về yêu cầu hủy Quyết định số 290/2002/QĐ-UB ngày 22/3/2002 của UBND huyện G, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U579520 của hộ ông Phan Văn H do UBND huyện G cấp ngày 22/3/2002, thấy rằng:

Trong vụ án này, ông H không yêu cầu hủy giấy CNQSD đất cấp cho ông H và bà M; chỉ có ông Q có yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất của ông H và bà M. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q nên không chấp nhận các yêu cầu này.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về yêu cầu hủy Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Bạch Thị Hồng M:

Ngày 06/3/2015, Chủ tịch UBND huyện G có Quyết định số 912/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà M với nội dung không công nhận khiếu nại. Bà M khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị.

Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị có nội dung kết luận: "*Giao cho UBND huyện G xem xét, hướng dẫn hộ gia đình ông Phan Văn H, bà Bạch Thị Hồng M và các hộ liên quan lập thủ tục chỉnh lý biến động Giấy CNQSD đất theo đúng quy định*". Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị nhằm khắc phục hiện trạng ranh giới sử dụng đất trên thực tế khác so với vị trí đất được công nhận giữa các hộ gia đình, phù hợp với nhận định và hướng giải quyết của Bản án sơ thẩm nên không có căn cứ hủy quyết định này.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí:

Ông H và bà M đã chi: 11.600.000 đồng; ông Q và bà K đã chi: 4.200.000 đồng cho các hoạt động tố tụng thẩm định và định giá; kết quả giải quyết xác định phần diện tích đất ông Q có lần sang là 3,4m^2; phần đất trong con hẻm còn lại giữa hai ngôi nhà cũng thuộc đất của ông H, bà M.

Bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K phải chịu chi phí liên quan đến việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, gồm cả phần mà ông H và bà M đã chi phí với số tiền 11.600.000 đồng là có cơ sở.

Đồng thời, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp này là có căn cứ.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên những người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H và bà Bạch Thị Hồng M; không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Văn H và bà Bạch Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 000745 ngày 28/08/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Ông Phan Văn Q và bà Bùi Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 000746 ngày 31/08/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long

Nơi nhận:
- Vụ II-TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.